

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co tại 1,300 trong cả ngày hôm nay và kết phiên tại mốc 1,303.16, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 7/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông và Dầu khí dẫn đầu đà tăng hôm nay; ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất; các ngành còn lại không có diễn biến đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Lực cầu bắt đáy đã xuất hiện khá tốt khi chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng 1,300. Chúng tôi vẫn giữ quan điểm VN-Index có thể tiếp tục tiến lên ngưỡng 1,315, tuy nhiên nhà đầu tư cần cẩn trọng trước áp lực chốt lời có thể xảy ra.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-1.40** điểm, đóng cửa tại **1303.16** điểm. HNX-Index **-0.18** điểm, đóng cửa tại **238.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+0.59)**, **BCM (+0.54)**, **VHM (+0.50)**, **MSN (+0.28)**, **GEE (+0.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.19)**, **FPT (-0.52)**, **VNM (-0.44)**, **VPB (-0.37)**, **GVR (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,081** tỷ đồng, giảm **-2.33%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,519 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.43 điểm. Thị trường có **214** mã tăng, 90 mã tham chiếu, **242** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-337.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-192.05 tỷ)**, **HDB (-95.79 tỷ)**, **VCB (-92.18 tỷ)**, **GMD (-46.28 tỷ)**, **KDH (-44.01 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.64** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.14%**. Các mã diễn biến tích cực: **MBB (+1.74%)**, **VHM (+1.24%)**, **MSN (+1.18%)**.
- BSC50 **+0.12%**. Các mã diễn biến tích cực: **BSI (+2.32%)**, **VSC (+1.94%)**, **BSR (+1.49%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.14%	0.12%	-0.11%	-0.29%
1 tuần	2.12%	2.14%	1.96%	1.73%
1 tháng	1.37%	5.48%	3.01%	1.72%
3 tháng	1.89%	6.57%	4.93%	4.57%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,303.16	238.31	99.97
% 1D	-0.11%	-0.08%	-0.24%
GTGD (tỷ VND)	18,081	1,294	1,073
%1D	-2.33%	16.76%	4.21%
GDNN (tỷ VND)	-337.96	-11.64	-46.71

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	220.77	FPT	-192.05
VCI	74.89	HDB	-95.79
HPG	37.01	VCB	-92.18
MSN	31.87	GMD	-46.28
PC1	19.79	KDH	-44.01

Thị trường thế giới

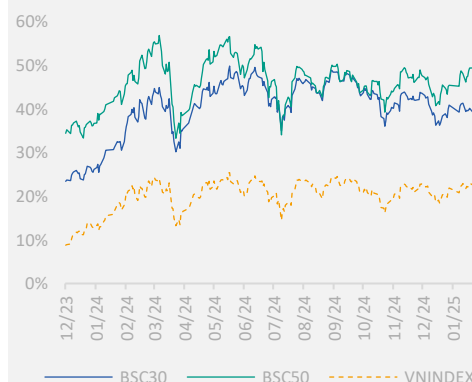
		%D	%W
SPX	5,983	-0.50%	-2.34%
FTSE100	8,669	0.12%	-1.11%
Eurostoxx	5,443	0.10%	-1.68%
Shanghai	3,346	-0.79%	0.66%
Nikkei	38,226	-0.38%	-2.77%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.89	0.22%
Giá vàng	2,940	-0.95%
Tỷ giá		
USD/VND	25,670	0.00%
EUR/VND	27,414	-0.50%
JPY/VND	174	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	-0.02%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



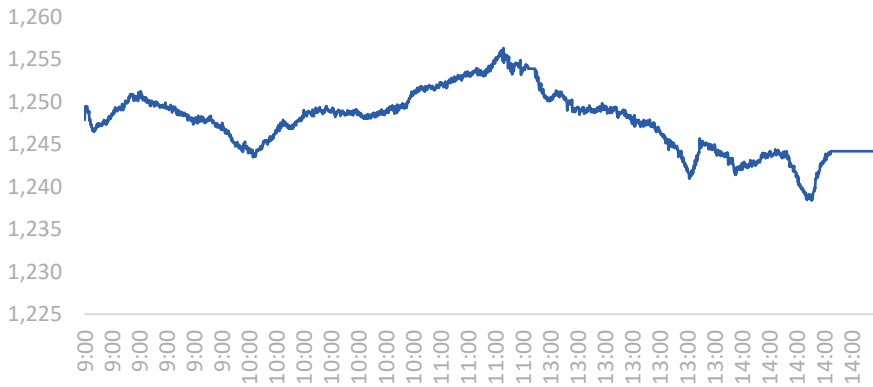
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1361.00	-0.51%	12	-86%	9/18/2025	205
VN30F2504	1362.00	-0.26%	467	25%	4/17/2025	51
VN30F2503	1359.80	-0.48%	157,253	-8%	3/20/2025	23
VN30F2506	1362.20	-0.31%	113	-21%	6/19/2025	114

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -3.96 điểm, đóng cửa tại 1360.56 điểm. Biên độ dao động 13.11 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VPB, VNM, HPG, HDB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán khiến VN30 đóng cửa dưới tham chiếu. Thanh khoản rổ VN30 cũng sụt giảm so với phiên trước cho thấy có lực cầu suy yếu nhẹ. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2504, Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2402	3/6/2025	9	290,300	-87.66%	4.15	220	46.7%	9.15	5.03	40.75	40.75
CVRE2504	6/30/2025	125	300	-82.03%	1.79	1,310	36.5%	15.49	3.10	17.25	17.25
CVHM2504	6/30/2025	125	506,800	-86.58%	4.45	510	30.8%	18.19	5.47	40.75	40.75
CVIC2407	6/30/2025	125	374,500	-83.66%	4.90	350	29.6%	7.18	6.65	40.70	40.70
CMBB2408	3/28/2025	31	392,400	-84.28%	2.78	180	20.0%	4.13	3.68	23.40	23.40
CVPB2505	6/30/2025	125	159,000	-82.95%	2.10	1,200	20.0%	17.28	3.30	19.35	19.35
CVHM2407	4/28/2025	62	1,143,800	-86.70%	4.90	130	18.2%	8.97	5.42	40.75	40.75
CVHM2409	8/14/2025	170	1,200	-74.72%	4.20	1,220	16.2%	7.33	10.30	40.75	40.75
CVRE2409	3/28/2025	31	13,000	-86.55%	2.00	80	14.3%	3.81	2.32	17.25	17.25
CMSN2405	4/28/2025	62	184,500	-86.35%	7.90	360	12.5%	15.14	9.34	68.40	68.40
CVHM2410	3/28/2025	31	6,600	-87.12%	4.80	90	12.5%	7.19	5.25	40.75	40.75
CMSN2501	6/26/2025	121	32,300	-81.87%	7.20	650	12.1%	7.66	12.40	68.40	68.40
CMBB2409	6/30/2025	125	4,500	-77.61%	2.89	470	11.9%	4.11	5.24	23.40	23.40
CMBB2404	3/6/2025	9	397,500	-75.34%	2.35	1,710	11.8%	10.53	5.77	23.40	23.40
CMBB2406	4/28/2025	62	1,340,500	-77.86%	2.50	670	11.7%	5.23	5.18	23.40	23.40
CVHM2411	6/30/2025	125	5,900	-83.91%	5.06	300	11.1%	7.16	6.56	40.75	40.75
CMBB2407	11/4/2025	252	691,000	-74.96%	2.60	1,630	10.9%	10.44	5.86	23.40	23.40
CMBB2502	5/26/2025	90	198,500	-77.20%	2.09	1,870	10.7%	12.28	5.33	23.40	23.40
CVHM2406	7/28/2025	153	74,500	-83.41%	5.00	440	10.0%	8.96	6.76	40.75	40.75
CVNM2407	11/4/2025	252	153,800	-81.89%	6.75	780	9.9%	9.47	11.39	62.90	62.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 25/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2402 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 46.67%. CHPG2408 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.90%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CSTB2402, CVPB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVIB2503, CVHM2504, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MBB	23.40	1.74%	1.27
MSN	68.40	1.18%	0.59
VHM	40.75	1.24%	0.48
LPB	36.85	0.14%	0.14
VIC	40.70	0.25%	0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	139.00	-1.07%	-1.31
VPB	19.35	-1.02%	-0.80
VNM	62.90	-1.41%	-0.69
HPG	27.50	-0.72%	-0.65
HDB	23.20	-1.07%	-0.60

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	23.40	1.74%	0.59	6.10
BCM	76.60	2.82%	0.54	1.04
VHM	40.75	1.24%	0.50	4.11
MSN	68.40	1.18%	0.28	1.44
GEE	61.80	5.82%	0.26	0.30

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

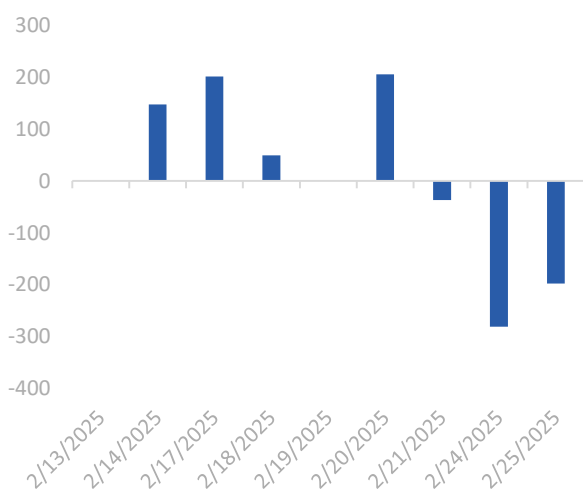
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	29.70	1.37%	0.15	0.57
OCH	7.50	8.70%	0.08	0.20
HUT	17.20	0.58%	0.06	0.89
TIG	12.20	3.39%	0.05	0.19
INN	60.70	6.49%	0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.60	-0.96%	-1.19	5.59
FPT	139.00	-1.07%	-0.52	1.47
VNM	62.90	-1.41%	-0.44	2.09
VPB	19.35	-1.02%	-0.37	7.93
GVR	32.10	-1.08%	-0.33	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

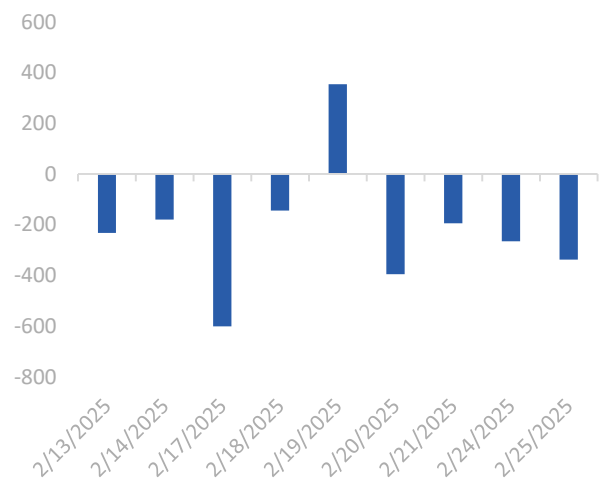
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	191.70	-10.00%	-2.42	0.20
VIF	18.20	-6.19%	-0.25	0.35
MVB	23.00	-9.80%	-0.15	0.11
BAB	12.00	-1.64%	-0.12	0.96
VCS	59.10	-1.34%	-0.08	0.16

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.6	-1.0%	0.6	522,580	184.6	6,053	15.5		22.8%	
BID	Ngân hàng	41.3	0.4%	1.0	283,488	179.0	3,575	11.5	47,000	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	-1.0%	1.0	155,108	271.9	1,989	9.8	25,500	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	139.0	-1.1%	0.9	206,685	1018.3	5,365	26.2	163,000	44.7%	Link
TCB	Ngân hàng	26.4	-0.4%	1.2	187,219	384.4	3,054	8.7	31,400	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	1.7%	1.1	140,352	903.0	3,729	6.2	26,300	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	39.3	-0.4%	1.0	74,277	255.6	5,351	7.4		22.7%	
CTG	Ngân hàng	41.9	-0.1%	1.3	225,003	241.0	4,719	8.9		26.8%	
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.6%	0.9	116,803	181.4	3,759	7.0		30.0%	
SSI	Chứng khoán	25.9	0.0%	1.3	50,714	760.3	1,536	16.8		39.0%	
IDC	BĐS KCN	57.1	0.2%	1.0	18,810	49.5	6,050	9.4		22.2%	
HPG	VLXD	27.5	-0.7%	1.3	177,176	909.1	1,879	14.7	37,500	21.6%	Link
HSG	VLXD	17.8	-0.8%	1.8	11,116	80.5	935	19.2	22,700	9.1%	Link
VHM	BĐS	40.8	1.2%	1.2	165,323	227.5	7,286	5.5		12.1%	
KDH	BĐS	33.4	-0.9%	1.1	34,025	82.6	862	39.0		37.0%	
NLG	BĐS	32.9	0.5%	1.4	12,592	63.0	1,331	24.6		41.2%	
DGC	Hóa chất	109.7	0.2%	1.4	41,586	125.3	7,870	13.9	111,400	16.9%	Link
DCM	Phân bón	35.9	0.8%	1.2	18,847	78.8	2,518	14.1	41,100	5.7%	Link
GAS	Dầu khí	68.7	0.2%	0.6	160,707	57.1	4,439	15.5	83,100	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	34.8	0.3%	1.0	16,585	145.5	2,473	14.0	40,300	18.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.6	0.0%	1.2	13,675	99.0	1,252	19.7	29,900	9.6%	Link
POW	Tiện ích	12.3	-0.8%	1.0	28,922	77.7	535	23.1		3.7%	
VHC	Thủy sản	70.2	-0.4%	1.2	15,824	71.4	5,496	12.8	70,000	27.0%	Link
GMD	Logistics	61.0	-1.5%	0.9	25,626	85.7	4,634	13.4		44.2%	
VNM	Bán lẻ	62.9	-1.4%	0.7	133,339	248.2	4,494	14.2		50.5%	
MSN	Bán lẻ	68.4	1.2%	1.2	97,233	350.2	1,345	50.3		25.6%	
MWG	Bán lẻ	58.3	-0.2%	1.4	85,351	741.5	2,544	23.0		44.9%	
PNJ	Bán lẻ	95.5	1.0%	0.9	31,966	35.4	6,305	15.0	111,500	48.9%	Link
DGW	Bán lẻ	38.9	-0.8%	1.6	8,591	49.8	2,042	19.2	41,800	19.2%	Link
CTR	Công nghệ	118.4	0.3%	1.0	13,509	61.8	4,709	25.1		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
C4G	Xây dựng	8.9	-1.36%	1.9	3,224	11.1	700	12.9	0.8	0.0%	4.7%
PLC	Dầu khí	26.8	0.37%	1.3	2,157	7.7	1,386	19.3	1.7	0.5%	3.4%
GVR	BĐS KCN	32.1	-1.08%	1.6	129,800	88.2	859	37.8	2.4	0.4%	8.2%
BSR	Dầu khí	20.5	1.49%	0.0	62,475	76.1	91	221.6	1.1	0.5%	1.1%
ANV	Thủy sản	17.2	-0.29%	1.5	4,593	17.3	1,082	16.0	1.6	0.7%	1.7%
QTP	Tiện ích	14.0	0.71%	0.8	6,254	28.6	1,110	12.5	1.2	0.8%	12.5%
HUT	Xây dựng	17.2	0.58%	1.5	15,262	37.6	728	23.5	1.8	1.4%	1.6%
CSV	Hóa chất	43.3	0.58%	1.5	4,751	49.4	1,891	22.7	3.2	1.8%	16.5%
SZC	BĐS KCN	44.6	0.22%	1.2	8,009	102.0	1,268	35.1	2.6	2.2%	12.5%
LCG	Xây dựng	10.8	0.00%	1.6	2,085	35.4	678	15.9	0.8	2.5%	5.2%
EIB	Ngân hàng	20.7	0.98%	1.0	38,186	155.9	2,225	9.2	1.5	2.7%	14.0%
VSC	Logistics	18.4	1.94%	1.3	5,162	49.7	893	20.2	1.1	3.2%	12.3%
DIG	BĐS	19.6	1.03%	2.0	11,801	269.5	1,246	15.5	1.5	3.9%	1.4%
CEO	BĐS	14.5	0.00%	2.2	7,836	109.4	278	52.2	1.3	4.4%	3.2%
IJC	BĐS	14.6	0.00%	1.4	5,496	32.4	1,353	10.8	1.1	4.8%	7.9%
SIP	BĐS KCN	89.9	-0.11%	0.0	18,948	63.5	3,766	23.9	4.4	4.9%	29.5%
VIB	Ngân hàng	20.8	-0.24%	1.2	61,966	268.5	3,235	6.4	1.5	5.0%	18.1%
SHS	Chứng khoán	14.4	-0.69%	1.9	11,791	183.8	1,019	14.2	1.1	5.6%	9.4%
VGC	BĐS KCN	51.8	-2.08%	1.3	23,718	73.8	1,981	26.7	2.9	5.6%	13.7%
VTP	Logistics	147.5	-0.34%	0.0	18,024	54.4	3,038	48.7	11.3	6.8%	24.1%
HHV	Xây dựng	13.1	1.16%	1.6	5,576	129.7	935	13.8	1.0	6.9%	4.8%
GEX	Tiện ích	22.9	0.00%	1.8	19,681	244.1	1,788	12.8	1.4	7.4%	12.3%
DBC	Bán lẻ	28.3	-0.35%	1.4	9,505	128.6	2,181	13.0	1.4	7.9%	13.5%
PDR	BĐS	19.5	0.52%	1.9	16,895	110.5	1,008	19.2	1.5	7.9%	5.0%
NKG	VLXD	14.2	-1.39%	1.9	6,445	106.2	751	19.2	1.1	7.8%	8.0%
DRC	Cao su	28.7	0.17%	0.9	3,397	29.0	1,919	14.9	1.8	8.8%	12.3%
DPM	Phân bón	37.1	0.82%	1.1	14,401	217.7	1,385	26.6	1.3	9.0%	5.3%
VND	Chứng khoán	13.7	1.11%	1.5	20,627	315.3	1,327	10.2	1.1	10.7%	9.5%
PVT	Logistics	26.4	0.19%	1.0	9,363	45.9	2,135	12.3	1.2	12.5%	15.1%
QNS	Bán lẻ	50.5	0.15%	1.0	18,547	23.1	3,648	13.8	1.9	13.0%	25.6%
HAH	Logistics	53.0	1.15%	1.2	6,358	82.1	2,390	21.9	1.9	13.7%	21.9%
PC1	Tiện ích	24.1	1.48%	1.3	8,476	108.0	1,468	16.1	1.5	15.3%	8.6%
TNG	Dệt may	23.2	0.87%	1.3	2,820	25.6	2,529	9.1	1.5	16.2%	17.5%
HDB	Ngân hàng	23.2	-1.07%	1.1	81,959	376.7	3,628	6.5	1.5	17.4%	25.8%
PLX	Dầu khí	43.3	0.70%	0.9	54,635	79.5	1,826	23.6	2.1	17.4%	11.1%
VRE	BĐS	17.3	-0.58%	1.1	39,425	101.4	1,945	8.9	0.9	17.7%	10.3%
PHR	BĐS KCN	64.9	-0.76%	1.2	8,862	39.2	1,810	36.1	2.4	18.8%	12.7%
DXG	BĐS	15.4	0.33%	1.8	13,368	219.0	260	59.2	1.3	19.0%	2.5%
KBC	BĐS KCN	29.6	-0.67%	1.4	22,875	134.0	5,211	5.7	1.2	19.5%	2.3%
HDG	Tiện ích	28.0	-0.18%	1.4	9,417	66.3	2,890	9.7	1.5	20.0%	9.4%
PTB	VLXD	60.4	-0.33%	0.6	4,056	10.1	5,521	11.0	1.4	23.4%	13.2%
VCI	Chứng khoán	36.8	0.14%	1.7	26,390	488.8	780	47.1	2.0	25.5%	9.0%
MSB	Ngân hàng	11.6	0.00%	1.3	30,030	243.1	2,092	5.5	0.8	27.5%	16.2%
TPB	Ngân hàng	17.0	-0.59%	1.1	45,045	264.0	2,271	7.5	1.2	30.0%	17.3%
FRT	Bán lẻ	175.3	-1.96%	0.6	24,360	130.8	734	243.6	12.7	34.4%	18.1%
DHC	Hóa chất	35.2	0.72%	1.0	2,813	4.9	3,727	9.4	1.4	39.8%	12.6%
BSI	Chứng khoán	50.7	2.32%	1.7	11,053	69.9	1,973	25.1	2.2	41.2%	8.5%
HCM	Chứng khoán	31.1	1.47%	1.6	22,031	763.4	1,611	19.0	2.1	43.7%	11.1%
CTD	Xây dựng	94.5	0.43%	1.4	9,403	78.0	4,303	21.9	1.1	49.0%	4.4%
REE	Tiện ích	74.3	-0.93%	0.9	35,326	59.2	5,115	14.7	1.9	49.0%	11.0%
BMP	VLXD	118.4	-0.75%	1.2	9,766	21.7	12,582	9.5	3.6	83.1%	36.8%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>